Danh sách
THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC QUÂN SỰ HỆ CHÍNH QUY NĂM 2026

I. KHU VỰC MIỀN BẮC; ĐIỂM CHUẨN: 24,20; TRÚNG TUYỂN: 238

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
1.	Phạm Quang Anh	01076480	08/08/2008	A00	25.17	01	TP. Hà Nội	Phường Tùng Thiện	LAH	
2.	Vũ Tuấn Anh	01000080	16/07/2008	A00	26.75	01	TP. Hà Nội	Phường Ngọc Hà	TTH	
3.	Hoàng Minh Đức	01014294	28/11/2008	A01	25.75	01	TP. Hà Nội	Phường Khương Đình	HEH	
4.	Nguyễn Vũ Quý Dương	01069988	26/10/2008	QDA	24.23	01	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	LCH	
5.	Nguyễn Hà Minh Hiếu	01048468	25/07/2008	QDA	25.41	01	TP. Hà Nội	Phường Thanh Liệt	HEH	
6.	Nguyễn Vinh Hiếu	01074667	05/11/2008	QDA	24.75	01	TP. Hà Nội	Phường Yên Nghĩa	LCH	
7.	Đinh Gia Hưng	01068897	08/12/2008	QDA	25.41	01	TP. Hà Nội	Phường Hà Đông	TTH	
8.	Lê Đức Hùng	034xxxxxx556	22/01/2007	V-ACT	25.07	01	TP. Hà Nội	Phường Nghĩa Đô	LAH	
9.	Phạm Gia Huy	04002043	08/07/2008	A00	24.38	01	TP. Hà Nội	Xã Phú Xuyên	LAH	
10.	Nguyễn Hoàng Khánh	01078276	21/07/2008	QDA	25.15	01	TP. Hà Nội	Xã Phúc Lộc	HEH	
11.	Vũ Nam Khánh	01000294	13/12/2007	QDA	25.41	01	TP. Hà Nội	Phường Hoàng Mai	TTH	
12.	Nguyễn Dự Đăng Khoa	01072439	11/01/2008	A01	24.25	01	TP. Hà Nội	Phường Dương Nội	TTH	
13.	Đinh Trung Kiên	01122923	14/08/2008	HSA	27.45	01	TP. Hà Nội	Xã Mê Linh	HEH	
14.	Bùi Nguyên Minh	01045966	29/06/2008	A01	25.75	01	TP. Hà Nội	Phường Đông Ngạc	TTH	
15.	Nguyễn Đức Phát	01015692	03/09/2008	HSA	24.25	01	TP. Hà Nội	Phường Khương Đình	TTH	
16.	Nguyễn Hữu Quân	01127945	10/09/2008	QDA	24.96	01	TP. Hà Nội	Phường Xuân Phương	LAH	
17.	Lê Hoàng Sơn	01076997	03/02/2008	QDA	24.42	01	TP. Hà Nội	Phường Sơn Tây	PKH	
18.	Nguyễn Trường Sơn	01002714	18/08/2008	HSA	26.27	01	TP. Hà Nội	Phường Nghĩa Đô	TTH	
19.	Vũ Tuất Thịnh	01126183	30/05/2008	QDA	24.34	01	TP. Hà Nội	Phường Phương Liệt	LCH	
20.	Nông Hoàng Thái Dương	04000942	18/08/2007	C01	25.88	04	Tỉnh Cao Bằng	Xã Thông Nông	LAH	
21.	Hoàng Mông Thế Hùng	04001935	23/02/2008	C01	25.00	04	Tỉnh Cao Bằng	Xã Quang Hán	LAH	
22.	Bế Gia Long	04002837	16/11/2008	QDA	24.83	04	Tỉnh Cao Bằng	Xã Quang Hán	HEH	
23.	Lục Hữu Nghị	04003393	16/10/2007	QDA	24.54	04	Tỉnh Cao Bằng	Xã Trường Hà	TTH	
24.	Lê Trung Nghĩa	04003408	16/10/2008	C01	24.25	04	Tỉnh Cao Bằng	Phường Nùng Trí Cao	TTH	
25.	Bế Nhật Toàn	04004822	02/05/2007	C01	24.50	04	Tỉnh Cao Bằng	Xã Hòa An	LAH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
26.	Trần Đức Anh	08002095	25/01/2008	A00	24.83	08	Tỉnh Tuyên Quang	Phường Hà Giang 1	LAH	
27.	Hoàng Minh Hiếu	08016864	06/11/2008	A00	24.20	08	Tỉnh Tuyên Quang	Phường Minh Xuân	TTH	
28.	Mai Trung Kiên	08014584	08/01/2007	QDA	24.81	08	Tỉnh Tuyên Quang	Xã Sơn Dương	LCH	
29.	Nông Anh Quốc	08009070	31/07/2007	C01	24.25	08	Tỉnh Tuyên Quang	Xã Kiên Đài	LAH	
30.	Nguyễn Thanh Tâm	08018130	24/11/2008	A00	24.83	08	Tỉnh Tuyên Quang	Phường Minh Xuân	LAH	
31.	Hoàng Đức Thuận	08018149	04/10/2008	QDA	25.34	08	Tỉnh Tuyên Quang	Phường Mỹ Lâm	TTH	
32.	Hà Anh Tuấn	08014285	01/12/2007	A00	24.25	08	Tỉnh Tuyên Quang	Xã Minh Thanh	LAH	
33.	Lầu A Bác	11003734	30/01/2008	C01	24.75	11	Tỉnh Điện Biên	Xã Xa Dung	LAH	
34.	Vũ Tất Đạt	11001312	24/09/2008	C01	24.38	11	Tỉnh Điện Biên	Xã Na Son	LAH	
35.	Nguyễn Quang Dũng	11001286	12/09/2008	QDA	24.91	11	Tỉnh Điện Biên	Phường Mường Thanh	HEH	
36.	Cà Mạnh Hùng	11000234	13/02/2008	A00	24.79	11	Tỉnh Điện Biên	Phường Mường Thanh	TTH	
37.	Ngô Xuân Lộc	11001485	13/11/2007	C01	25.41	11	Tỉnh Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	HEH	
38.	Nguyễn Anh Minh	11001513	14/12/2008	A01	24.93	11	Tỉnh Điện Biên	Xã Thanh Nưa	LAH	
39.	Giàng A Tú	11004104	20/09/2008	A00	24.50	11	Tỉnh Điện Biên	Xã Pu Nhi	SNH	
40.	Nguyễn Lâm Tuấn	11001752	16/04/2008	HSA	24.48	11	Tỉnh Điện Biên	Xã Mường Lạn	LAH	
41.	Cao Phương Nam	12001379	08/01/2008	C01	25.95	12	Tỉnh Lai Châu	Xã Bình Lư	HEH	
42.	Sùng Thanh Sơn	12000876	03/01/2008	QDA	24.54	12	Tỉnh Lai Châu	Phường Đoàn Kết	LCH	
43.	Dương Văn Đạt	14002921	09/06/2008	A00	26.63	14	Tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Khương	TTH	
44.	Bùi Trọng Hải	14008995	12/01/2007	C01	25.05	14	Tỉnh Sơn La	Xã Quỳnh Nhai	HQH	
45.	Điêu Minh Hoàng	14009024	20/06/2008	C01	24.75	14	Tỉnh Sơn La	Xã Quỳnh Nhai	TTH	
46.	Nguyễn Quang Huy	14012448	24/09/2008	A00	24.24	14	Tỉnh Sơn La	Phường Vân Sơn	LAH	
47.	Nguyễn Xuân Sơn Phong	14009881	07/02/2008	QDA	24.83	14	Tỉnh Sơn La	Xã Sông Mã	LCH	
48.	Vũ Hồng Phúc	14004433	28/05/2008	A00	24.60	14	Tỉnh Sơn La	Phường Tô Hiệu	TTH	
49.	Sồng Trung Tủa	14008790	23/05/2008	QDA	25.82	14	Tỉnh Sơn La	Xã Suối Tọ	LCH	
50.	Đỗ Ngọc Anh	15004019	14/08/2008	A00	25.65	15	Tỉnh Lào Cai	Phường Cam Đường	LAH	
51.	Lê Hải Anh	31045212	26/10/2008	A01	25.80	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Mậu A	LAH	
52.	Trần Quý Đăng	15007036	23/01/2008	A00	24.38	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Bản Lầu	HEH	
53.	Vàng Việt Dinh	15007022	20/09/2008	C01	24.50	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Bản Lầu	LAH	
54.	Khổng Anh Dũng	15010822	27/09/2008	QDA	24.53	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Lương Thịnh	LAH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
55.	Phạm Việt Hùng	15001261	04/11/2008	A00	25.50	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Bảo Yên	TTH	
56.	Hà Mạnh Huy	15001266	03/01/2008	QDA	24.51	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Bảo Yên	LCH	
57.	Phừn Minh Thức	15007138	15/06/2008	C01	24.50	15	Tỉnh Lào Cai	Xã Bản Lầu	LAH	
58.	Vũ Phạm Hải Đăng	19009420	14/01/2008	C01	25.63	19	Tỉnh Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	LCH	
59.	Nguyễn Tất Minh Dương	19009395	27/11/2008	QDA	24.42	19	Tỉnh Thái Nguyên	Phường Linh Sơn	LAH	
60.	Đoàn Minh Khánh	19020429	17/09/2006	QDA	24.34	19	Tỉnh Thái Nguyên	Phường Tích Lương	TGH	
61.	Vi Trung Kiên	19011926	09/03/2008	QDA	25.94	19	Tỉnh Thái Nguyên	Xã Đồng Hỷ	TTH	
62.	Nguyễn Giang Tùng Lâm	19006177	27/01/2008	A00	24.93	19	Tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	TTH	
63.	Lý Nhật Long	19008332	31/10/2008	QDA	24.54	19	Tỉnh Thái Nguyên	Xã Kim Phượng	LCH	
64.	Phan Đoàn Quốc Trung	19005856	30/07/2008	A00	24.83	19	Tỉnh Thái Nguyên	Phường Bắc Kạn	HEH	
65.	Đàm Minh Vũ	19014235	01/05/2008	C01	24.67	19	Tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng	TTH	
66.	Nguyễn Ngọc Dũng	20008551	28/01/2008	X06	24.60	20	Tỉnh Lạng Sơn	Xã Thiện Tân	TTH	
67.	Đoàn Phúc Hưng	20001028	16/05/2008	A00	24.35	20	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Tam Thanh	TTH	
68.	Nông Quang Huy	20000280	18/12/2008	QDA	25.49	20	Tỉnh Lạng Sơn	Phường Đông Kinh	HEH	
69.	Hoàng Bảo Nguyên	20009909	28/05/2007	A00	24.50	20	Tỉnh Lạng Sơn	Xã Hữu Lũng	LAH	
70.	Hà Minh Hiếu	22011263	06/12/2008	X06	26.13	22	Tỉnh Quảng Ninh	Phường Hồng Gai	TTH	
71.	Nguyễn Xuân Mạnh	22016784	18/09/2008	QDA	24.20	22	Tỉnh Quảng Ninh	Phường Yên Tử	LAH	
72.	Nguyễn Tùng Dương	24034214	31/08/2008	QDA	24.72	24	Tỉnh Bắc Ninh	Xã Đại Đồng	TTH	
73.	Lục Quang Duy	24023388	13/03/2008	QDA	24.83	24	Tỉnh Bắc Ninh	Xã Tuấn Đạo	LCH	
74.	Ngọ Thành Hưng	24000391	26/10/2008	A00	25.17	24	Tỉnh Bắc Ninh	Phường Bắc Giang	HEH	
75.	Nguyễn Hữu Khôi	24016455	27/10/2007	A00	24.38	24	Tỉnh Bắc Ninh	Xã Lạng Giang	DCH	
76.	Vũ Anh Tuấn Kiệt	24039692	27/09/2007	A00	25.89	24	Tỉnh Bắc Ninh	Phường Mão Điền	LAH	
77.	Chu Bảo Long	24001364	04/08/2008	QDA	24.66	24	Tỉnh Bắc Ninh	Phường Đa Mai	LCH	
78.	Thân Ngọc Long	24017231	18/12/2008	A00	24.40	24	Tỉnh Bắc Ninh	Xã Tiên Lục	TTH	
79.	Nguyễn Trần Thành	24004091	28/10/2007	A00	24.78	24	Tỉnh Bắc Ninh	Phường Yên Dũng	TTH	
80.	Lê Kim Thịnh	24029489	02/04/2008	A00	25.10	24	Tỉnh Bắc Ninh	Xã Tam Giang	TTH	
81.	Nguyễn Đức Tuấn	24004188	14/09/2007	QDA	25.41	24	Tỉnh Bắc Ninh	Phường Yên Dũng	TTH	
82.	Phạm Kỳ Anh	25007435	22/12/2008	QDA	27.30	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Cao Dương	LCH	
83.	Tạ Duy Anh	25025908	11/06/2008	C01	24.60	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Tam Đảo	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
84.	Nguyễn Tiến Công	25030969	04/11/2008	QDA	25.46	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Mường Bi	TTH	
85.	Nguyễn Việt Cường	25009335	23/08/2006	QDA	24.44	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Tân Lạc	LCH	
86.	Trần Ngọc Điệp	25042338	13/03/2008	C01	24.75	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Minh Hòa	TTH	
87.	Nguyễn Phương Duy	25010913	14/12/2008	QDA	24.61	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Hạ Hòa	HEH	
88.	Đoàn Vi Hiếu	25033240	09/02/2008	A00	24.83	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Đồng Lương	LAH	
89.	Nguyễn Minh Hiếu	25026487	26/11/2008	C01	24.63	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Tây Cốc	TTH	
90.	Trần Xuân Hiếu	25009379	13/09/2007	QDA	25.49	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Tân Lạc	LAH	
91.	Vũ Viết Kiên	25042446	11/04/2008	QDA	25.34	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Yên Lập	LCH	
92.	Tạ Thành Long	25014570	18/07/2008	QDA	24.91	25	Tỉnh Phú Thọ	Phường Hòa Bình	LCH	
93.	Bùi Đại Nam	25007596	10/09/2008	QDA	25.12	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Cao Dương	LCH	
94.	Đỗ Lân Phú	25026233	12/10/2008	QDA	25.30	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Bình Xuyên	LAH	
95.	Nguyễn Bá Thành	25033569	19/09/2008	QDA	24.83	25	Tỉnh Phú Thọ	Xã Văn Miếu	LAH	
96.	Cao Minh Vũ	25015189	04/09/2008	QDA	26.11	25	Tỉnh Phú Thọ	Phường Vân Phú	TTH	
97.	Phạm Đắc Hà	31052866	14/05/2007	A00	24.82	31	TP. Hải Phòng	Xã Hà Bắc	LAH	
98.	Đinh Trung Hiếu	31024842	13/03/2008	A00	24.50	31	TP. Hải Phòng	Phường Kiến An	TTH	
99.	Khoa Năng Minh Hiếu	031xxxxxx728	23/12/2007	QDA	24.23	31	TP. Hải Phòng	Phường An Biên	TTH	
100.	Hoàng Gia Long	31036897	06/02/2006	C01	25.25	31	TP. Hải Phòng	Xã Đại Sơn	LCH	
101.	Nguyễn Đức Minh	31039133	02/01/2008	C01	24.44	31	TP. Hải Phòng	Phường Hải Dương	HEH	
102.	Nguyễn Danh Phúc	31045684	08/01/2008	A00	25.33	31	TP. Hải Phòng	Xã Lai Khê	TTH	
103.	Đặng Thái Sơn	31011957	02/03/2008	C01	24.20	31	TP. Hải Phòng	Xã Tiên Lãng	LAH	
104.	Đỗ Phúc Sơn	31034944	15/02/2007	QDA	24.20	31	TP. Hải Phòng	Phường Chu Văn An	TTH	
105.	Nghiêm Vũ Mạnh Trường	31042042	03/03/2008	QDA	24.42	31	TP. Hải Phòng	Phường Thành Đông	LAH	
106.	Nguyễn Việt Anh	79113706	02/07/2008	V-ACT	26.67	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Tiên La	TTH	
107.	Vũ Tiến Đạt	33009692	26/10/2007	QDA	25.01	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Hoàng Hoa Thám	LAH	
108.	Cao Ngọc Trung Đức	33013848	04/12/2007	QDA	25.90	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Như Quỳnh	LAH	
109.	Phạm Minh Đức	33035593	29/05/2008	QDA	24.72	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Ái Quốc	PBH	
110.	Vũ Duy Hiếu	33038773	30/09/2008	QDA	25.65	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Thư Vũ	TTH	
111.	Vũ Phạm Duy Khánh	33029858	25/01/2008	C01	24.40	33	Tỉnh Hưng Yên	Phường Thái Bình	TTH	
112.	Nguyễn Quang Minh	33025108	23/09/2008	QDA	24.72	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Ngự Thiên	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
113.	Lê Trung Nguyên	33031734	19/02/2008	X06	24.40	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Thư Trì	TTH	
114.	Nguyễn Thành Phương	33020418	15/09/2008	QDA	24.72	33	Tỉnh Hưng Yên	Xã Đông Hưng	LAH	
115.	Dương Ngọc An	37021720	20/01/2008	QDA	25.37	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Phủ Lý	TTH	
116.	Vũ Đức Anh	37000750	02/10/2008	C01	24.93	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Hoa Lư	LAH	
117.	Đỗ Ngọc Gia Bảo	37002955	27/04/2008	HSA	24.42	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Hoa Lư	LAH	
118.	Nguyễn Phúc Chính	37017338	01/10/2008	QDA	24.44	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Tam Chúc	LCH	
119.	Trần Cao Cường	37035504	19/03/2007	A00	24.96	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Cát Thành	TTH	
120.	Bùi Trọng Đạt	37012204	06/01/2008	QDA	25.57	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Yên Khánh	LAH	
121.	Đinh Phạm Tiến Đạt	37003034	27/12/2008	QDA	24.20	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Hoa Lư	HEH	
122.	Trịnh Tiến Đạt	37003734	13/09/2008	QDA	25.94	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Trung Sơn	HEH	
123.	Trần Anh Đức	37027620	15/10/2008	QDA	24.93	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Đông A	TTH	
124.	Lê Ngọc Dũng	37046513	03/05/2008	X06	24.87	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Hải Tiến	TTH	
125.	Cao Bạch Dương	37044551	09/09/2008	X06	24.40	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Giao Ninh	TTH	
126.	Hoàng Xuân Hải	37003784	28/06/2008	QDA	25.01	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Trung Sơn	HEH	
127.	Phạm Hùng Hải	37003786	26/10/2008	A00	25.17	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Tam Điệp	TTH	
128.	Đặng Trần Hiếu	37002436	23/09/2008	A00	25.17	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Hoa Lư	HEH	
129.	Nguyễn Hoàng Hiếu	37005901	17/11/2007	A00	24.40	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Gia Hưng	PKH	
130.	Ngô Tuấn Hưng	37040874	17/05/2007	QDA	24.72	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Xuân Giang	LAH	
131.	Bùi Đức Nghĩa	37006465	02/12/2007	A00	26.27	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Quỳnh Lưu	TTH	
132.	Đinh Hồng Phong	37001273	11/09/2008	C01	25.17	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Hoa Lư	LAH	
133.	Đinh Việt Quang	37011896	20/03/2007	C01	24.40	37	Tỉnh Ninh Bình	Xã Khánh Thiện	LAH	
134.	Nguyễn Quốc Thái	37021563	11/08/2008	QDA	24.44	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Phủ Lý	LAH	
135.	Hoàng Trường Thịnh	37004495	12/11/2008	A00	25.17	37	Tỉnh Ninh Bình	Phường Tam Điệp	TTH	
136.	Cao Đặng Tùng Anh	38017361	13/04/2007	C01	25.00	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Cẩm Thủy	TTH	
137.	Hoàng Kỳ Anh	38021539	12/12/2007	A00	25.33	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hòa	LAH	
138.	Trần Hữu Việt Anh	38012614	14/08/2008	QDA	24.23	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Linh Sơn	LAH	
139.	Trịnh Mai Việt Anh	38032053	21/01/2008	A00	24.63	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Ba Đình	HEH	
140.	Bùi Việt Bách	38013096	27/09/2008	A01	25.25	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Lặc	TTH	
141.	Nguyễn Văn Tiến Đạt	38013210	04/12/2008	QDA	24.91	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Ngọc Lặc	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
142.	Nguyễn Ngọc Thái Khang	75008922	01/03/2008	V-ACT	24.82	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã An Phước	TTH	
143.	Nguyễn Tuấn Định	38032855	02/01/2008	QDA	24.61	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Nga An	LAH	
144.	Hoàng Lê Đức	38029468	02/10/2008	A00	24.26	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Hoằng Hóa	HEH	
145.	Kiều Nguyễn Việt Hùng	38009358	07/04/2007	QDA	24.23	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Bá Thước	LAH	
146.	Mai Xuân Hùng	38022634	23/01/2008	QDA	24.40	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Triệu Sơn	LAH	
147.	Nguyễn Phạm Quang Linh	38028432	25/01/2007	QDA	25.57	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Tống Sơn	PKH	
148.	Thiều Quang Minh	38041332	27/12/2008	QDA	25.08	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hòa	LAH	
149.	Đỗ Đại Phong	38042691	06/03/2008	C01	25.10	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Cẩm Vân	TTH	
150.	Trương Tuấn Thành	38034581	08/01/2008	QDA	24.31	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Hậu Lộc	LAH	
151.	Trương Vĩnh Trọng	38009571	26/10/2007	A00	25.95	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Thiết Ống	LAH	
152.	Ngô Thành Trung	38041621	15/09/2008	C01	24.87	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Định Hòa	PKH	
153.	Hà Đình Tuấn	38018425	27/01/2008	A00	24.87	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Thọ Xuân	LAH	
154.	Lê Anh Tuấn	38019085	04/07/2008	C01	24.80	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Tín	TTH	
155.	Lê Thành Vinh	38011583	18/06/2008	QDA	25.12	38	Tỉnh Thanh Hóa	Xã Xuân Bình	LCH	
156.	Lê Văn An	40030615	13/11/2008	QDA	25.10	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Xuân Lâm	LCH	
157.	Phan Lý An	40028181	22/11/2008	A00	26.27	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Thuần Trung	TTH	
158.	Thái Hồng Gia Bảo	40037570	03/07/2008	C01	24.63	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	LAH	
159.	Trần Hoàng Gia Bảo	40002303	23/11/2008	QDA	24.53	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Trường Vinh	BPH	
160.	Hồ Sỹ Chương	40031119	24/03/2007	HSA	24.70	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Hoa Quân	TTH	
161.	Lê Hữu Cường	40021201	03/12/2008	V-ACT	26.57	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Diễn Châu	TTH	
162.	Phạm Xuân Cường	40026870	02/02/2008	A00	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Lương Sơn	HEH	
163.	Phạm Văn Đàn	40035532	08/04/2008	C01	25.33	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Thiên Nhẫn	LAH	
164.	Lê Duy Đạt	40000252	29/07/2008	A01	24.44	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Vinh Hưng	TTH	
165.	Nguyễn Đình Đạt	40026913	03/12/2008	X06	25.57	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Thuần Trung	TTH	
166.	Trần Xuân Đạt	40028291	15/09/2008	C01	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Văn Hiến	PKH	
167.	Nguyễn Đình Đức	40002449	02/05/2008	A00	26.13	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Vinh Lộc	TTH	
168.	Lê Văn Dũng	40030687	22/09/2008	A00	25.10	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Xuân Lâm	TTH	
169.	Nguyễn Hữu Dương	40034768	11/07/2008	QDA	24.61	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Đại Huệ	LCH	
170.	Trần Anh Hào	40037316	08/11/2008	A00	25.57	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Lam Thành	PKH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
171.	Trần Trọng Hiệp	40016205	15/03/2008	C01	24.26	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Tân Kỳ	LAH	
172.	Nguyễn Viết Hiếu	40026982	30/11/2008	A00	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Thuần Trung	TTH	
173.	Phan Anh Hoàn	40039857	05/05/2008	V-ACT	24.46	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Nghĩa Hưng	HEH	
174.	Nguyễn Bá Hưng	40033340	09/11/2007	QDA	26.08	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Nghi Lộc	LCH	
175.	Đỗ Nhật Huy	40005339	26/03/2008	A00	24.44	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Quỳ Hợp	LAH	
176.	Nguyễn Bá Huy	40028963	23/08/2006	QDA	24.96	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Lương Sơn	LCH	
177.	Phan Quang Huy	40036925	01/05/2008	C01	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Hưng Nguyên Nam	LAH	
178.	Nguyễn Quốc Khánh	40037353	06/04/2008	C01	25.33	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Lam Thành	TTH	
179.	Trần Hoàng Long	40025750	17/03/2008	A00	24.87	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Chiêu Lưu	HGH	
180.	Hồ Vĩnh Nam	40013755	05/04/2008	A00	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Quỳnh Phú	LAH	
181.	Trịnh Phương Nam	40002833	08/04/2008	A00	24.20	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Trường Vinh	LCH	
182.	Nguyễn Danh Ngọc	40001708	20/01/2008	A00	25.89	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Vinh Hưng	TTH	
183.	Đặng Bá Phát	40001802	14/04/2008	HSA	24.42	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	LAH	
184.	Phạm Tấn Phát	40018082	19/02/2008	A00	24.63	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Yên Thành	TTH	
185.	Phạm Đình Phong	40038677	04/07/2007	QDA	24.72	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Đông Hiếu	LCH	
186.	Nguyễn Công Phú	40031415	24/12/2006	C01	24.87	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Đại Đồng	TTH	
187.	Võ Hùng Phúc	40021736	02/05/2008	C01	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Minh Châu	LAH	
188.	Hoàng Đình Quân	40027279	22/01/2008	X06	26.73	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Thuần Trung	TTH	
189.	Nguyễn Danh Quân	40009074	03/06/2008	A00	25.95	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Tam Hợp	TTH	
190.	Nguyễn Đình Lê Quân	40006790	28/10/2008	QDA	24.53	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Đông Lộc	HEH	
191.	Phan Nguyễn Thiên Quốc	40038701	16/09/2008	A00	25.33	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Nghĩa Đàn	TTH	
192.	Bùi Huy Gia Sơn	40000797	24/01/2008	A00	24.44	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	LAH	
193.	Lê Nguyễn Hoàng Sơn	40008526	25/08/2008	QDA	25.57	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Quỳ Hợp	TTH	
194.	Nguyễn Khánh Sơn	40036561	26/05/2008	QDA	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Kim Liên	LAH	
195.	Võ Xuân Sơn	40029821	05/07/2008	C01	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Đại Đồng	TTH	
196.	Lê Trọng Tài	40000804	06/12/2008	QDA	24.44	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Trường Vinh	HEH	
197.	Thái Đình Tâm	40028616	19/06/2008	A00	25.10	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Văn Hiến	TTH	
198.	Trần Dương Thanh	40024404	08/02/2008	C01	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Đức Châu	TTH	
199.	Trần Quang Tiến	40002015	23/04/2008	A00	24.44	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Vinh Hưng	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
200.	Nguyễn Văn Tố	40029248	04/10/2007	A00	25.33	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Vinh Phú	TTH	
201.	Phạm Nguyễn Quốc Trọng	40026409	25/02/2008	C01	24.87	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Yên Xuân	PKH	
202.	Lữ Minh Trung	40007976	16/02/2008	C01	26.20	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Quỳ Châu	TTH	
203.	Võ Bá Tuấn	40040672	14/01/2008	QDA	24.42	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Tây Hiếu	LAH	
204.	Trần Đức Việt	40006354	22/01/2007	QDA	24.53	40	Tỉnh Nghệ An	Phường Thành Vinh	LCH	
205.	Lê Quang Vinh	40031596	05/03/2006	QDA	24.75	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Hoa Quân	LCH	
206.	Nguyễn Thái Quang Vinh	40027470	20/10/2008	X06	25.10	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Thuần Trung	HEH	
207.	Đặng Anh Vũ	40030412	04/09/2008	C01	24.40	40	Tỉnh Nghệ An	Xã Cát Ngạn	LAH	
208.	Đậu Trần Việt Anh	42005111	04/09/2008	C01	24.93	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	LAH	
209.	Trần Nguyễn Ngọc Ánh	42014177	13/05/2008	C01	24.40	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Đức Thọ	HEH	
210.	Nguyễn Gia Bảo	42005166	03/11/2008	C01	25.17	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	TTH	
211.	Trần Đình Báu	42016909	08/02/2008	A00	25.10	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Hà Linh	TTH	
212.	Trương Công Chiến	42002374	04/10/2008	QDA	24.40	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Kỳ Anh	LCH	
213.	Nguyễn Tiến Hoàng Diệu	42016677	12/03/2008	A00	24.87	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Sơn Tiến	LAH	
214.	Trần Anh Đức	42013644	13/05/2008	A00	24.26	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Đan Hải	LAH	
215.	Nguyễn Tiến Dũng	42005241	15/08/2008	A01	24.44	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	TTH	
216.	Phạm Nguyễn Tiến Dũng	42008479	24/12/2008	A00	26.73	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Đồng Tiến	TTH	
217.	Phan Trọng Hiếu	42009877	26/02/2007	C01	25.10	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Mai Phụ	SNH	
218.	Nguyễn Tiến Hưng	42014366	02/04/2008	A00	24.96	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Đức Minh	SNH	
219.	Lê Văn Long	42009398	26/01/2008	A00	25.80	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	TTH	
220.	Trần Đức Mạnh	42008749	20/03/2008	QDA	24.61	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	TTH	
221.	Bùi Nguyễn Quang Minh	42011117	21/09/2008	A00	25.80	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Đồng Lộc	LAH	
222.	Hồ Sỹ Hoàng Minh	42008753	23/10/2007	A00	26.97	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Toàn Lưu	TTH	
223.	Nguyễn Nhật Minh	42001769	20/05/2008	C01	24.63	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Kỳ Văn	TTH	
224.	Mai Văn Phú	42005729	12/08/2008	A01	24.93	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Hà Huy Tập	TTH	
225.	Nguyễn Viết Quang	42011233	21/01/2008	QDA	25.42	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Xuân Lộc	TTH	
226.	Phạm Ngọc Quyền	42007469	28/09/2007	A00	25.33	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Thạch Xuân	TTH	
227.	Từ Văn Quyết	42008909	17/02/2008	QDA	24.72	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Việt Xuyên	HEH	
228.	Lê Doãn Sơn	42011272	21/04/2008	A00	24.40	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Xuân Lộc	LAH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
229.	Nguyễn Sỹ Tuấn Tài	42013408	06/11/2008	A00	26.03	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Nghi Xuân	TTH	
230.	Nguyễn Xuân Thành	42018514	05/09/2008	A01	25.33	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Mai Hoa	TTH	
231.	Trần Hữu Gia Thiên	42009619	13/01/2008	A00	27.90	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Lộc Hà	TTH	
232.	Trần Đình Tiến	42018539	14/03/2007	A00	25.10	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Thượng Đức	TTH	
233.	Phạm Thành Trung	42018560	02/01/2008	A00	24.87	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Mai Hoa	HQH	
234.	Phạm Tuấn Tú	42009699	04/06/2008	A01	24.63	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Mai Phụ	PKH	
235.	Nguyễn Anh Tuấn	42001971	10/12/2007	X06	25.80	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Kỳ Khang	TTH	
236.	Trần Quốc Tuấn	42010778	15/12/2008	C01	24.40	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Trường Lưu	TTH	
237.	Võ Khánh Việt	42005958	05/07/2008	A00	24.44	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Phường Thành Sen	LAH	
238.	Trần Văn Vũ	42014130	05/04/2008	QDA	24.61	42	Tỉnh Hà Tĩnh	Xã Đan Hải	LCH	

II. KHU VỰC MIỀN NAM; ĐIỂM CHUẨN: 23,72; TRÚNG TUYỂN: 159

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
1.	Hoàng Đức Chính	44007600	02/11/2008	A00	23.96	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Sơn	TTH	
2.	Trần Đăng Dương	44003942	05/02/2008	QDA	24.02	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Quảng Trạch	LBH	
3.	Võ Văn Phong Hải	44009596	12/06/2008	A00	23.79	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Trường Ninh	LBH	
4.	Bùi Hiếu	44007687	19/02/2008	A01	24.44	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Hới	HEH	
5.	Lê Nguyễn Thanh Hoàng	79062632	30/08/2007	QDA	25.19	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Lao Bảo	LCH	
6.	Phạm Văn Nhật Hoàng	44016471	15/09/2008	A00	24.68	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đông Hà	HEH	
7.	Đặng Tấn Hưng	44003027	13/11/2008	C01	25.33	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Nam Ba Đồn	TTH	
8.	Lê Nhật Huy	44009927	12/10/2008	C01	26.27	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Trường Ninh	TTH	
9.	Lê Quốc Khánh	44016001	22/08/2007	A00	24.20	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đông Hà	PBH	
10.	Châu Văn Đinh Kỳ	44011700	13/11/2008	QDA	23.84	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Sen Ngư	LCH	
11.	Mai Văn Lành	44002636	12/08/2008	A00	25.33	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Nam Gianh	TTH	
12.	Lê Nhật Long	44010754	23/01/2008	A00	23.93	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Lệ Thủy	TTH	
13.	Nguyễn Hoàng Nhật Minh	44007094	01/12/2008	V-ACT	25.17	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Thuận	TTH	
14.	Trương Đức Nhân	44016631	12/03/2007	A00	24.68	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Nam Đông Hà	SNH	
15.	Nguyễn Mạnh Quân	44016686	14/12/2007	A00	24.20	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đông Hà	TTH	
16.	Nguyễn Minh Quân	44005572	19/08/2008	A00	26.63	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Bố Trạch	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
17.	Lê Trọng Quang	44018188	16/09/2008	C01	24.38	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Lao Bảo	HEH	
18.	Nguyễn Văn Tài	44007309	12/05/2008	QDA	26.36	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Bắc Gianh	TTH	
19.	Trần Công Thanh	44008007	27/04/2007	QDA	24.42	44	Tỉnh Quảng Trị	Phường Đồng Hới	TTH	
20.	Nguyễn Minh Trung	44004936	20/06/2008	X06	24.40	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Hoàn Lão	TTH	
21.	Trần Anh Tú	44005649	02/01/2008	A00	25.28	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Bố Trạch	TTH	
22.	Nguyễn Khương Tuyển	44018558	14/08/2008	V-ACT	24.38	44	Tỉnh Quảng Trị	Xã Lao Bảo	SNH	
23.	Nguyễn Quang Cường	48007359	10/10/2008	QDA	24.00	48	TP. Đà Nẵng	Xã Đại Lộc	HEH	
24.	Nguyễn Thanh Dũng	48010182	13/05/2008	A01	25.50	48	TP. Đà Nẵng	Phường An Hải	TTH	
25.	Trần Văn Minh Hiếu	48015138	15/11/2008	V-ACT	24.01	48	TP. Đà Nẵng	Phường An Khê	TTH	
26.	Nguyễn Phước Khánh Hoàng	48015175	01/05/2008	QDA	23.75	48	TP. Đà Nẵng	Phường Thanh Khê	LBH	
27.	Hồ Quang Huy	48025587	29/09/2008	X06	25.41	48	TP. Đà Nẵng	Phường Hội An Tây	TTH	
28.	Phan Đức Huy	48026106	01/09/2008	X06	25.41	48	TP. Đà Nẵng	Xã Thăng An	TTH	
29.	Ngô Minh Khoa	48031049	25/12/2008	A00	24.49	48	TP. Đà Nẵng	Xã Thu Bồn	TTH	
30.	Lưu Tổng Hoàng Long	48030378	15/09/2008	A00	24.17	48	TP. Đà Nẵng	Xã Xuân Phú	TTH	
31.	Lê Văn Quyến	48024441	08/05/2008	X06	24.17	48	TP. Đà Nẵng	Xã Sông Vàng	TTH	
32.	Trần Văn Tiến	48025444	11/05/2007	V-ACT	23.94	48	TP. Đà Nẵng	Xã Đại Lộc	LCH	
33.	Võ Thành Công	51007081	06/08/2007	V-ACT	25.43	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Trà Giang	LBH	
34.	Hồ Trần Tiến Đạt	51014642	24/02/2008	V-ACT	26.06	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Trà Bồng	TTH	
35.	Nguyễn Tiến Hưng	51010030	01/12/2008	QDA	25.01	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Mỏ Cày	LCH	
36.	Nguyễn Võ Lâm Khang	51016867	06/10/2008	A00	24.60	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Phường Đăk Bla	TTH	
37.	Hồ Vương Kiệt	51014750	03/04/2008	X06	25.73	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Trà Bồng	TTH	
38.	Nguyễn Hoài Nam	51020314	03/10/2007	QDA	24.60	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bờ Y	LCH	
39.	Lê Thanh Phương	51004438	03/09/2008	A00	25.43	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Khê	TTH	
40.	Nguyễn Hoàng Gia Quốc	51007513	04/08/2007	QDA	25.76	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Phường Cẩm Thành	TTH	
41.	Huỳnh Minh Tài	51003277	19/12/2008	V-ACT	25.95	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Thọ Phong	TTH	
42.	Bùi Quốc Trung	51004540	04/01/2008	C01	25.33	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	TTH	
43.	Ngô Thế Vinh	51018846	06/10/2008	C01	24.83	51	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đăk Hà	TTH	
44.	Nguyễn Dương Hải Anh	52006976	22/03/2008	X06	23.96	52	Tỉnh Gia Lai	Phường An Nhơn	TTH	
45.	Nguyễn Hữu Quang Anh	52020143	18/06/2008	QDA	23.96	52	Tỉnh Gia Lai	Phường Pleiku	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
46.	Lê Phạm Hoàng Hà	52016494	26/04/2008	V-ACT	27.28	52	Tỉnh Gia Lai	Phường Hoài Nhơn Đông	LBH	
47.	Lê Hoàng Gia Khánh	52020438	04/05/2008	V-ACT	24.72	52	Tỉnh Gia Lai	Phường Thống Nhất	TTH	
48.	Hồ Văn Anh Khoa	52007513	09/12/2008	A00	24.44	52	Tỉnh Gia Lai	Phường An Nhơn Nam	TTH	
49.	Nguyễn Văn Kiên	52025867	12/09/2008	A00	25.28	52	Tỉnh Gia Lai	Xã Ia Grai	TTH	
50.	Trương Đức Long	52031784	09/02/2006	QDA	24.00	52	Tỉnh Gia Lai	Xã Ia Pa	LCH	
51.	Tạ Quang Minh	52034254	05/11/2008	A00	24.68	52	Tỉnh Gia Lai	Phường An Khê	TTH	
52.	Tiêu Võ Hải Dương	56012751	20/03/2008	QDA	23.84	56	Tỉnh Khánh Hòa	Xã Cam Lâm	TTH	
53.	Hoàng Trung Hải	56008324	10/06/2008	QDA	26.11	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	TTH	
54.	Lê Trung Hiếu	56007115	07/10/2008	QDA	28.13	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	TTH	
55.	Lưu Thanh Hoàng	56007762	20/03/2008	V-ACT	23.75	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	TTH	
56.	Nguyễn Nhật Long	56009196	17/10/2008	V-ACT	25.38	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang	TTH	
57.	Nguyễn Thành Luân	56005164	23/12/2007	V-ACT	25.76	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	TTH	
58.	Nguyễn Gia Minh	56004321	28/06/2008	V-ACT	24.24	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang	TTH	
59.	Nguyễn Quang Minh	56009225	21/02/2008	QDA	24.20	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Nha Trang	TTH	
60.	Nguyễn Khánh Nam	56010614	17/02/2007	A00	25.80	56	Tỉnh Khánh Hòa	Xã Suối Hiệp	TTH	
61.	Nguyễn Đình Nguyên	56009289	10/04/2008	V-ACT	24.57	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang	TTH	
62.	Hồ Viết Nhân	56002672	27/07/2008	C01	25.17	56	Tỉnh Khánh Hòa	Xã Hòa Trí	TTH	
63.	Nguyễn Hữu Phát	56007952	26/07/2008	V-ACT	25.42	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Nha Trang	LBH	
64.	Phan Nguyễn Tiến Phát	56008672	29/01/2008	QDA	24.20	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Nam Nha Trang	HQH	
65.	Nguyễn Thanh Quý	56013490	26/09/2008	A00	24.44	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Cam Ranh	TTH	
66.	Lê Đức Tài	56009386	04/01/2008	QDA	23.80	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Nha Trang	HGH	
67.	Bùi Nhật Tân	56008020	18/02/2008	V-ACT	25.14	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Nha Trang	TTH	
68.	Trần Tiến Thành	056xxxxxx743	02/11/2007	QDA	25.56	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Tây Nha Trang	TTH	
69.	Bùi Quang Vinh	56005452	15/08/2008	QDA	24.20	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	HQH	
70.	Phạm Quang Vinh	56009982	11/06/2008	V-ACT	25.42	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	TTH	
71.	Nguyễn Xuân Vũ	56005461	27/08/2008	V-ACT	25.43	56	Tỉnh Khánh Hòa	Phường Bắc Nha Trang	TTH	
72.	Nguyễn Lê Phúc Bảo	66021668	25/11/2008	C01	23.96	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Na	TTH	
73.	Nguyễn Phú Cường	66015055	31/07/2007	QDA	24.06	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Krông Pắc	TTH	
74.	Trần Thế Tùng Em	66002278	21/07/2008	A00	25.10	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Cư M’ta	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
75.	Lê Hữu Hoà	66015912	17/10/2006	A00	24.25	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Vụ Bổn	TTH	
76.	Lê Huy Hoàng	66034373	12/10/2008	C01	23.96	66	Tỉnh Đắk Lắk	Phường Sông Cầu	LCH	
77.	Lâm Hoàng Thái Hợp	66026821	25/10/2007	C01	24.75	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Đức Bình	LCH	
78.	Phạm Phi Hùng	66025902	22/11/2008	QDA	23.84	66	Tỉnh Đắk Lắk	Phường Tuy Hòa	LCH	
79.	Nguyễn Hoàng Huy	66029413	01/04/2008	QDA	24.40	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Tuy An Bắc	TTH	
80.	Võ Quang Huy	66012341	10/09/2007	QDA	25.13	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Ktur	HEH	
81.	Lê Bảo Hoàng Long	66029510	09/06/2008	A00	24.40	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Tuy An Đông	HEH	
82.	Lê Anh Minh	66028407	08/01/2008	X06	24.63	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Hòa Mỹ	TTH	
83.	Nguyễn Đức Minh	66023665	16/09/2008	QDA	25.66	66	Tỉnh Đắk Lắk	Phường Buôn Ma Thuột	TTH	
84.	Nguyễn Đình Nhật	66018120	13/05/2008	QDA	23.96	66	Tỉnh Đắk Lắk	Phường Tân Lập	TTH	
85.	Phạm Bá Phú	66008025	19/02/2007	QDA	25.87	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Cuôr Đăng	LBH	
86.	Nguyễn Văn Tài	66029685	11/02/2008	A00	24.40	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Tuy An Đông	LCH	
87.	Nguyễn Thanh Thương	66025442	19/05/2007	A00	24.17	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Phú Hòa 1	LBH	
88.	Phạm Tiến Trung	66028096	12/07/2008	A00	24.63	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Tây Hòa	LBH	
89.	Nguyễn Ngọc Trường	66033819	06/07/2008	A00	24.20	66	Tỉnh Đắk Lắk	Phường Hòa Hiệp	TTH	
90.	Lê Trần Quang Vinh	66002114	02/10/2008	A00	24.38	66	Tỉnh Đắk Lắk	Xã Đắk Phơi	TTH	
91.	Lê Bảo An	68024655	08/09/2005	V-ACT	25.14	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Phan Thiết	TTH	
92.	Lê Văn Quốc Bảo	68034379	25/12/2008	V-ACT	24.40	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Tuy Đức	LBH	
93.	Trần Nguyễn Phú Cường	68010422	16/09/2008	V-ACT	25.28	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Di Linh	TTH	
94.	Hoàng Xuân Danh	68035534	07/10/2008	C01	24.25	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Quảng Tín	LBH	
95.	Nguyễn Minh Đạt	68000120	09/11/2007	QDA	24.53	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	LBH	
96.	Nguyễn Tấn Dũng	68001840	19/07/2008	A00	25.17	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Xuân Trường - Đà Lạt	TTH	
97.	Nguyễn Khánh Dương	68026585	10/08/2007	A00	25.10	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Hàm Thuận Nam	LBH	
98.	Vương Chấn Hiệp	067xxxxxx835	10/09/2007	V-ACT	24.41	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Nam Đà	TTH	
99.	Nguyễn Hưng	68024843	18/12/2007	V-ACT	23.74	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Phú Thuỷ	TTH	
100.	Trần Nguyễn Đức Huy	060xxxxxx933	21/10/2007	QDA	24.23	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Tánh Linh	LBH	
101.	La Anh Tuấn Kiệt	68036692	23/05/2008	C01	25.25	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Nâm Nung	LBH	
102.	Nguyễn Hải Nam	68019979	05/04/2008	QDA	23.84	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Bắc Bình	BPH	
103.	Mai Nguyễn Thiện Nhân	68002093	27/01/2008	V-ACT	25.79	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Lâm Viên - Đà Lạt	LBH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
104.	Lương Hồng Quân	68033064	03/08/2007	V-ACT	24.45	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Nam Gia Nghĩa	LBH	
105.	Lê Gia Thịnh	68023841	11/06/2008	V-ACT	23.96	68	Tỉnh Lâm Đồng	Phường Phan Thiết	LBH	
106.	Lê Đăng Quang Thông	68013195	12/09/2008	QDA	23.76	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Bảo Lâm 1	LCH	
107.	Nguyễn Hữu Toàn	68023146	26/02/2008	V-ACT	23.99	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Tuyên Quang	LBH	
108.	Nguyễn Đình Vĩ	68006935	19/05/2008	QDA	24.40	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Hiệp Thạnh	LBH	
109.	Nguyễn Xuân Vũ	68037083	01/01/2008	A00	24.38	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Nam Đà	LBH	
110.	Huỳnh Tấn Vương	68037084	20/06/2008	A00	24.83	68	Tỉnh Lâm Đồng	Xã Nam Đà	TTH	
111.	Bùi Xuân Diệu	75011397	13/06/2008	A01	24.20	75	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tam Hiệp	LBH	
112.	Nguyễn Vũ Duy	75047743	11/01/2007	QDA	24.06	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Phú Nghĩa	HQH	
113.	Nguyễn Ngô Tấn Hưng	75042497	17/03/2008	C01	23.72	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Nha Bích	LBH	
114.	Nguyễn Hoàng Long	75048193	29/11/2008	A00	24.63	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Thiện Hưng	TTH	
115.	Nguyễn Hữu Minh	75004698	07/12/2008	A00	23.72	75	Tỉnh Đồng Nai	Phường Tân Triều	TTH	
116.	Nguyễn Lê Công Minh	75012313	23/10/2008	QDA	24.93	75	Tỉnh Đồng Nai	Phường Phước Tân	LCH	
117.	Hứa Văn Nam	75043808	24/01/2008	A00	25.60	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Phước Sơn	TTH	
118.	Nguyễn Bảo Nam	75041205	01/11/2008	A00	24.06	75	Tỉnh Đồng Nai	Phường Đồng Xoài	TTH	
119.	Văn Bá Nhân	75012385	07/12/2008	V-ACT	24.24	75	Tỉnh Đồng Nai	Phường Long Hưng	TTH	
120.	Nguyễn Hồng Quân	75048300	18/05/2008	QDA	24.63	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Thiện Hưng	LCH	
121.	Dương Thanh Sang	75051414	13/08/2008	V-ACT	24.44	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Tân Khai	LBH	
122.	Hoàng Phú Giang Thanh	75049090	11/09/2008	A00	26.73	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Lộc Ninh	TTH	
123.	Nguyễn Hữu Trọng	75045411	04/06/2008	QDA	24.02	75	Tỉnh Đồng Nai	Xã Phú Riềng	LBH	
124.	Trịnh Văn Trường	75042973	01/12/2008	C01	24.20	75	Tỉnh Đồng Nai	Phường Đồng Xoài	LBH	
125.	Nguyễn Dương Hoàng Bách	79015634	02/08/2008	V-ACT	23.88	79	TP. Hồ Chí Minh	Phường Phú Lâm	TTH	
126.	Nguyễn Hữu Đại	79083957	10/12/2006	A01	23.75	79	TP. Hồ Chí Minh	Xã Hóc Môn	TTH	
127.	Nguyễn Đỗ Anh Dũng	79115641	14/08/2008	QDA	24.20	79	TP. Hồ Chí Minh	Phường Dĩ An	LCH	
128.	Vũ Nguyễn Anh Khoa	79108859	16/11/2007	X06	26.57	79	TP. Hồ Chí Minh	Phường Hòa Lợi	TTH	
129.	Trần Đăng Khôi	56004266	17/08/2008	V-ACT	25.17	79	TP. Hồ Chí Minh	Phường An Hội Tây	TTH	
130.	Nguyễn Đoàn Hoàng Lân	79063652	08/08/2008	V-ACT	27.25	79	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tân Sơn Nhất	TTH	
131.	Đào Nguyễn Đức Phát	79127147	29/07/2008	QDA	23.80	79	TP. Hồ Chí Minh	Phường Tam Thắng	TTH	
132.	Dương Minh Triết	79057814	15/02/2008	V-ACT	25.26	79	TP. Hồ Chí Minh	Xã Hóc Môn	TTH	

STT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh (số CCCD)	Ngày sinh	Mã Tổ hợp	Tổng điểm	Ban TS	Tỉnh (thành phố)	Xã (phường)	Sơ tuyển	Ghi chú
133.	Phạm Thành Huy	80017471	30/10/2007	V-ACT	24.72	80	Tỉnh Tây Ninh	Xã Châu Thành	SNH	
134.	Trần Gia Bảo	82009727	23/04/2008	QDA	25.10	82	Tỉnh Đồng Tháp	Xã Tháp Mười	LCH	
135.	Châu Nhựt Phát	82002628	19/10/2007	V-ACT	23.90	82	Tỉnh Đồng Tháp	Xã Thường Phước	LBH	
136.	Dương Thanh Phú	82001606	05/10/2008	C01	23.96	82	Tỉnh Đồng Tháp	Phường Thường Lạc	TTH	
137.	Lê Hồng Thiện	82010265	26/08/2008	A00	23.93	82	Tỉnh Đồng Tháp	Xã Tháp Mười	LBH	
138.	Võ Trần Khắc Viễn	82018450	22/07/2008	A00	25.80	82	Tỉnh Đồng Tháp	Xã Tân Nhuận Đông	TTH	
139.	Trần Tấn Đạt	86019675	05/11/2008	X06	26.73	86	Tỉnh Vĩnh Long	Xã Hòa Bình	TTH	
140.	Đặng Minh Khôi	86022755	09/01/2008	A00	25.33	86	Tỉnh Vĩnh Long	Xã Trà Côn	TTH	
141.	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	86016331	06/11/2006	A00	24.25	86	Tỉnh Vĩnh Long	Phường Long Châu	TTH	
142.	Bùi Nguyễn Dương	91039257	22/03/2008	A00	24.60	91	Tỉnh An Giang	Xã Óc Eo	TTH	
143.	Trần Minh Khang	91026150	14/02/2008	QDA	24.02	91	Tỉnh An Giang	Xã Long Điền	TTH	
144.	Bùi Thiện Nhân	91014261	26/12/2008	QDA	24.20	91	Tỉnh An Giang	Phường Chi Lăng	LBH	
145.	Lê Minh Thuận	91007977	22/12/2007	A00	25.05	91	Tỉnh An Giang	Xã An Biên	TTH	
146.	Phạm Phan Hiếu Thuận	91030917	18/10/2008	QDA	24.61	91	Tỉnh An Giang	Xã Thoại Sơn	TTH	
147.	Huỳnh Đức Anh	92014735	16/04/2006	A00	25.00	92	TP. Cần Thơ	Xã Phú Hữu	TGH	
148.	Nguyễn Nhựt Anh	92004641	02/09/2007	V-ACT	25.09	92	TP. Cần Thơ	Xã Cờ Đỏ	TTH	
149.	Phạm Minh Huy	92009112	25/06/2007	A00	24.00	92	TP. Cần Thơ	Xã Đông Phước	TTH	
150.	Phan Quốc Khang	92022749	25/06/2008	QDA	25.61	92	TP. Cần Thơ	Phường Mỹ Xuyên	TTH	
151.	Trần Gia Khiêm	094xxxxxx618	25/10/2007	QDA	24.23	92	TP. Cần Thơ	Phường Phú Lợi	TTH	
152.	Nguyễn Nhựt Lễ	92009184	30/04/2007	A00	24.35	92	TP. Cần Thơ	Phường Thới An Đông	TTH	
153.	Nguyễn Nhật Minh	92012103	01/01/2006	A00	23.75	92	TP. Cần Thơ	Phường Thới An Đông	TTH	
154.	Trần Lê Quang Minh	92015910	15/05/2008	QDA	23.80	92	TP. Cần Thơ	Phường Ngã Bảy	TTH	
155.	Lý Hoàng Thịnh	92028633	01/04/2008	C01	24.50	92	TP. Cần Thơ	Xã Mỹ Phước	TTH	
156.	Nguyễn Quang Thịnh	92009388	14/03/2008	A01	25.25	92	TP. Cần Thơ	Phường Ninh Kiều	TTH	
157.	Võ Hoàng Khang	96018856	12/11/2008	A00	25.33	96	Tỉnh Cà Mau	Xã Vĩnh Thanh	TTH	
158.	Nguyễn Trung Kiên	96000232	11/01/2008	QDA	24.93	96	Tỉnh Cà Mau	Phường An Xuyên	TTH	
159.	Trần Quan Vinh	96019292	17/02/2008	A00	27.20	96	Tỉnh Cà Mau	Xã Hồng Dân	TTH	